

Số: 08 /TTr-BHHK-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 800 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/04/2001; Luật số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2020 của VNI, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) được thành lập theo Quyết định số 49GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) được xây dựng và phát triển với mục tiêu trở thành một thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, tạo niềm tin cho khách hàng và đối tác, từng bước mang lại thành công trên cơ sở bền vững và chuyên nghiệp.

Đối với VNI, trên cơ sở đã triển khai tốt chiến lược phát triển trong các năm qua, năm 2020 sẽ là năm quan trọng để VNI tiếp tục các giải pháp đồng bộ về mặt quản trị điều hành, chăm sóc khách hàng, đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường để duy trì và gia tăng thị phần. Bên cạnh đó, yếu tố hiệu quả vẫn sẽ tiếp tục là ưu tiên của VNI nhằm duy trì lợi nhuận và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Hiện tại, vốn điều lệ của VNI đang ở mức 800 tỷ đồng, vừa đủ để có thể thực hiện toàn bộ nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi so sánh với các công ty bảo hiểm cùng ngành, quy mô vốn của VNI không phải là lớn, do đó, để thực hiện mục tiêu phát triển trong dài hạn, VNI cần thực hiện tăng vốn điều lệ. Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh của VNI, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đảm bảo tuân thủ, đáp ứng tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tăng khả năng sinh lời. Tại khoản 2, điều 42 Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định: Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 10% vốn chủ sở hữu. Như vậy mức trách nhiệm giữ lại hiện nay của VNI là $10\% \times 800 \text{ tỷ} = 80 \text{ tỷ đồng}$ /mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ. Phần trách nhiệm vượt trên 80 tỷ đồng, VNI phải nhượng tái bảo hiểm, tương ứng VNI phải chuyển phí nhượng tái bảo hiểm cho doanh nghiệp khác. Do đó phần phí bảo hiểm giữ lại cũng bị hạn chế và tác động đến hiệu quả kinh doanh cũng như khả năng sử dụng dòng tiền. Trong trường hợp VNI tăng vốn, mức trách nhiệm giữ lại sẽ tăng và phí bảo hiểm giữ lại sẽ tăng tương ứng.

Thứ hai, nâng cao năng lực đầu tư cho VNI: đầu tư hệ thống hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm mới.

Thứ ba, nâng cao khả năng mở rộng phát triển mạng lưới. Nhằm khai thác tối đa tiềm năng, nhu cầu bảo hiểm của các khách hàng tại một số vùng trọng điểm cũng như thực hiện tốt công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng tại các khu vực này, VNI dự kiến tăng thêm 8 đơn vị trực thuộc trong năm 2020 và 8 đơn vị trực thuộc trong năm 2021, nâng tổng số đơn vị trực thuộc là 53 đơn vị. Ngoài ra, có thể thấy hiện nay, việc mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài đang được nhiều doanh nghiệp bảo hiểm quan tâm; trong đó Lào và Campuchia đang là điểm đến được nhiều doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn. Do đó, trong thời gian tới, thông qua việc phân tích, đánh giá các thị trường tiềm năng, VNI có kế hoạch mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài, trong đó VNI có thể sẽ lựa chọn thị trường bảo hiểm Campuchia và Lào nhằm đón đầu các cơ hội đầu tư tại những thị trường mới.

Thứ tư, tăng năng lực tài chính để đủ điều kiện tham gia đấu thầu bảo hiểm cho các dự án trọng điểm của Nhà nước trong lĩnh vực dầu, điện, than, hạ tầng giao thông,...(nhiều dự án quy định doanh nghiệp bảo hiểm phải có vốn điều lệ 1000 tỷ đồng mới được tham gia; thậm chí lĩnh vực dầu khí có quy định vốn điều lệ tối thiểu 1.500 tỷ đồng).

Cùng với đó, mục đích tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động trên mọi lĩnh vực kinh doanh, xây dựng hình ảnh và vị thế của Tổng Công ty ngày một phát triển hướng đến đưa VNI trở thành một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu (Top 10) của Việt Nam trong năm 2020.

Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của một số đơn vị trong ngành:

TT	Công ty	Vốn điều lệ (2019)	VCSH (2019)	Ghi chú
1	BVH	7.423.227.640.000	19.902.608.518.614	Tập đoàn
2	PVI	2.342.418.670.000	6.565.536.355.660	Tập đoàn

3	BMI	913.540.378.000	2.268.578.094.956	
4	BIC	1.172.768.950.000	2.241.284.796.582	
5	PTI	803.957.090.000	1.867.562.457.657	
6	BSH	1.000.000.000.000	1.021.148.036.970	
7	VNI	800.000.000.000	824.671.271.988	

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phát hành:

- Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mệnh giá: **10.000 đồng**
- Khối lượng phát hành: **20.000.000 cổ phần**
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá: **200.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ của Tổng công ty trước khi phát hành: **800.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ của Tổng công ty sau khi phát hành: **1.000.000.000.000 đồng**

2. Phương án phát hành:

Căn cứ vào tình hình thực tế, đợt phát hành 20.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ Tổng công ty từ 800 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

2.1. Chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Khối lượng phát hành: **20.000.000 cổ phần**
- Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phần**
- Đối tượng được phát hành: **Cổ đông hiện hữu theo danh sách hưởng quyền tại ngày chốt danh sách**
- Tỷ lệ thực hiện quyền: **4 : 1**

(Căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua. Số lượng cổ phần được quyền mua thêm được tính theo công thức: Số cổ phần được mua thêm = (Số quyền mua : 4) x 1 và được làm tròn xuống hàng đơn vị). Quyền mua của cổ đông được tự do chuyển nhượng nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần, người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng cho người thứ ba.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành thêm, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 199 cổ phần. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phần mới phát hành thêm tương ứng là $(199 : 4) \times 1 = 49,75$ cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được mua sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 49 cổ phần.

Quy định hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành được tự do chuyển nhượng.

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu không được thực hiện quyền phát sinh từ đợt phát hành (nếu có):

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành, sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và tuân thủ theo các tiêu chí sau:

- + Tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu hoặc các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính hoặc có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của VNI.
- + Có mức giá chào mua phù hợp với phương án chào bán.
- + Có mong muốn đầu tư lâu dài; sẵn sàng hỗ trợ, đồng hành cùng sự phát triển của VNI.

Trường hợp quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết làm phát sinh các điều kiện bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, Hội đồng quản trị tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

2.2. Thời gian chào bán

Dự kiến trong năm 2020, sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt chào bán.

3. Giá phát hành và pha loãng giá cổ phiếu

3.1. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của VNI tại 31/12/2019 được tính theo công thức:

Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu/Số cổ phần đang lưu hành

$$= 824.671.271.988 / 80.000.000 = 10.308 \text{ đồng/cổ phần}$$

Hiện tại, cổ phiếu của Tổng công ty chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung nên chưa có giá thị trường để làm cơ sở tham chiếu. Căn cứ nhu cầu huy động vốn và nhằm tăng tính hiệu quả huy động vốn của VNI, Hội đồng quản trị đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu của đợt phát hành này là 10.000 đồng/cổ phần.

3.2. Sự pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu của Tổng công ty sau khi chào bán

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế / Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân.

Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Tổng công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

3.3. Sự pha loãng giá cổ phiếu của Tổng công ty sau khi chào bán

Số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong đợt này là 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4 : 1. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Tổng công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật nhất định về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau ngày chốt danh sách} = \frac{(\text{Giá cổ phiếu đang giao dịch trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền} \times \text{Khối lượng cổ phiếu được nhận quyền mua}) + (\text{Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu} \times \text{Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm})}{\text{Tổng khối lượng cổ phiếu sau khi phát hành}}$$

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần, khi đó:

$$\text{Giá cổ phiếu sau ngày chốt danh sách} = \frac{(15.000 \times 80.000.000) + (10.000 \times 20.000.000)}{100.000.000} = 14.000 \text{ đồng/CP}$$

Lưu ý: Cổ phiếu của Tổng công ty chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung, do đó, giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phiếu Tổng công ty vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để chào bán.

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán trong năm 2020 là 200 tỷ đồng sẽ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không, cụ thể như sau:

4.1. Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và phát triển sản phẩm có tác dụng nâng cao năng lực cạnh tranh của VNI trên thị trường về các sản phẩm tiện ích, đồng thời tự động hóa thông tin và dữ liệu quản trị tiệm cận với tiêu chuẩn của VNI và thông lệ quốc tế: **Dự kiến số tiền sử dụng khoảng 20,2 tỷ đồng;**

4.2. Thành lập 10 chi nhánh mới trong năm 2020-2021:

Dự kiến số tiền sử dụng: 10 tỷ đồng (mỗi chi nhánh 01 tỷ đồng);

4.3. Đầu tư tài chính: Dự kiến số tiền sử dụng khoảng 169,8 tỷ đồng

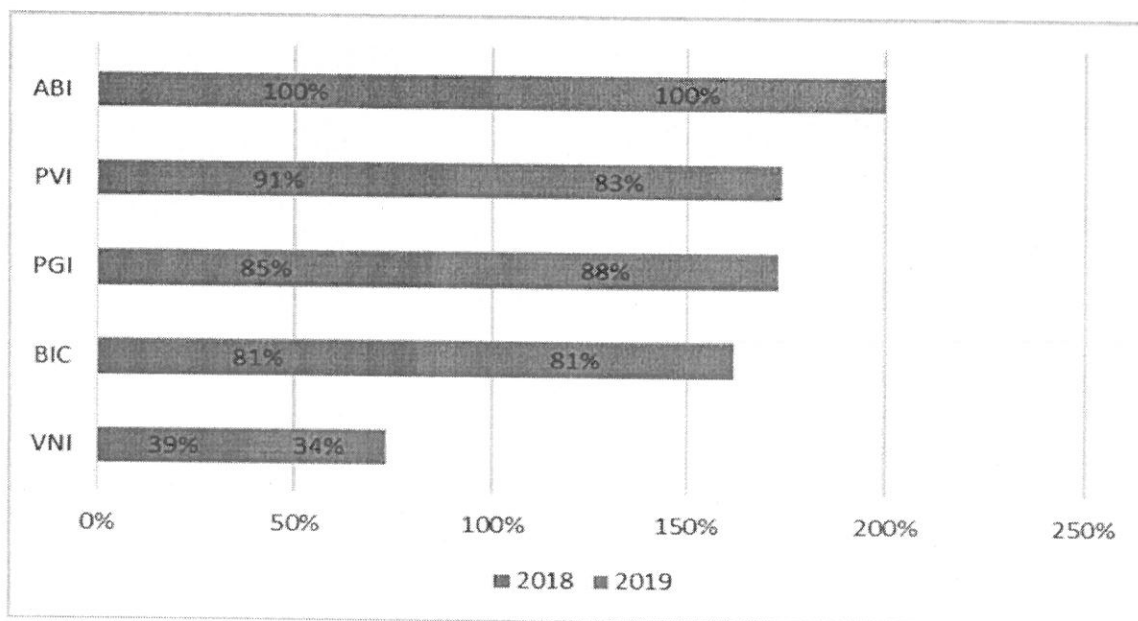
❖ Vai trò của đầu tư tài chính trong kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam

Đến hết năm 2019, toàn thị trường có 30 doanh nghiệp phi nhân thọ, 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm. Một số chỉ tiêu cơ bản của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2019 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định như: Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 89.447 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cùng kỳ 2018. Đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 46.591 tỷ đồng, tăng 10,1 % so với cùng kỳ 2018. Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 52.387 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm gốc của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước là 21.202 tỷ đồng, tăng 4,9% với cùng kỳ năm 2018.

Dù đã có nhiều cố gắng, nhưng nhìn chung, tỷ lệ bồi thường trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam vẫn đang ở mức cao. Bên cạnh đó, tiềm năng thị trường lớn khiến cho các doanh nghiệp bảo hiểm liên tục tìm cách mở rộng quy mô, chiếm lĩnh thị phần, tạo ra hiện trạng cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến phí bảo hiểm bị giảm xuống dưới mức cần thiết để duy trì lợi nhuận cho các nghiệp vụ bảo hiểm. Thực tế này làm xói mòn hoạt động nghiệp vụ của các doanh nghiệp trên thị trường, ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông cũng như sự lành mạnh trong hoạt động tài chính và hình ảnh của doanh nghiệp bảo hiểm đối với khách hàng.

Để tài trợ cho quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh, bù đắp phần lỗ nghiệp vụ, các doanh nghiệp bảo hiểm đang phải tận dụng các nguồn vốn nhân rồi hiện có của mình. Như vậy, có thể nói, hoạt động đầu tư nguồn vốn nhân rồi có ý nghĩa quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Theo BCTC năm 2019, cơ cấu các khoản đầu tư của VNI như sau: Đầu tư cổ phiếu – 18%, đầu tư trái phiếu – 2%, tiền gửi ngân hàng – 34%, đầu tư vào công ty liên kết – 26%, đầu tư khác, đầu tư khác – 20%.

Tính đến 31/12/2019, VNI đang dành hơn 309 tỷ đồng vào các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng (không tính tiền gửi thanh toán). Mặc dù tiền gửi kỳ hạn được xem là lĩnh vực không mang lại lợi nhuận cao như các lĩnh vực đầu tư tài chính khác, tuy nhiên, nếu xét đến đặc thù ngành kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, vốn đòi hỏi duy trì một khả năng thanh toán đủ lớn để đảm bảo chi trả cho các rủi ro phát sinh, việc duy trì lượng tiền gửi ngân hàng lớn được xem là cần thiết. Vấn đề này được minh chứng khi so sánh tỷ lệ tiền gửi ngân hàng của VNI và các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ khác, cụ thể:



Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

Bên cạnh đó, duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng lớn sẽ tạo điều kiện cho VNI nâng cao mối quan hệ với các ngân hàng nhằm hợp tác để khai thác dịch vụ ngân hàng liên kết bảo hiểm (Bancassurance). Đây là kênh phân phối sản phẩm ngân hàng - bảo hiểm hiệu quả, cạnh tranh mạnh mẽ với kênh phân phối truyền thống, đồng thời cũng là chiến lược được các ngân hàng, công ty bảo hiểm sử dụng nhằm hoạt động trong thị trường tài chính theo cách thức hợp nhất dịch vụ ở một mức độ nhất định.

❖ Kế hoạch đầu tư tài chính trong năm 2020:

Như đã trình bày ở trên, trong năm 2020 và những năm tới đây VNI dự định vẫn duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng như hiện nay. Các khoản đầu tư mới phát sinh sẽ được tài trợ bằng cách huy động thêm vốn từ các cổ đông. Dự kiến trong tổng số 200 tỷ đồng vốn điều lệ tăng thêm, số tiền sử dụng cho mục đích đầu tư tài chính là 169,8 tỷ đồng, cụ thể như sau:

❖ Đầu tư cổ phiếu: Dự kiến đầu tư 169,8 tỷ đồng

- Đánh giá thị trường tiềm năng:

Hoạt động đầu tư từ nguồn vốn nhân rồi luôn có ý nghĩa quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của VNI. Trong thời gian qua, với mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, VNI luôn tìm kiếm những kênh đầu tư hiệu quả nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất. Hội đồng quản trị cho rằng trong thời gian tới, thị trường chứng khoán là một kênh đầu tư quan trọng đối với VNI.

Năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam đánh dấu 20 năm hình thành và phát triển. Thị trường chứng khoán năm 2020 khởi đầu với những biến động khó lường trong bối cảnh dịch virus Corona (dịch Covid-19) lan rộng và diễn biến phức tạp, đã tác động không nhỏ đến các nhà đầu tư trên thị trường. Tuy nhiên, từ đầu tháng 4 đến nay, thị trường đang cho thấy dấu hiệu phục hồi khá bền bỉ và đang tạo ra kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, khi công tác kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam đạt được nhiều kết quả rất tích cực. Thanh khoản của thị trường cổ phiếu duy trì ở mức tốt, với giá trị giao dịch bình quân từ đầu năm đến giữa tháng 4/2020 đạt trên 4.700 tỷ đồng, tăng 2% so với bình quân năm 2019. Trong

tháng 3/2020, thị trường chứng khoán ghi nhận nhóm nhà đầu tư trong nước mở mới 31.949 tài khoản, cao nhất trong 2 năm trở lại đây và gấp đôi so với trung bình 6 tháng qua.

Nhìn một cách tổng quan, khi Việt Nam kiểm soát hoàn toàn được dịch bệnh, với nội lực của nền kinh tế Việt Nam, chúng ta có nhiều cơ sở để trông đợi vào khả năng hồi sinh và tăng trưởng trở lại của nền kinh tế. Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá là một trong những nước có triển vọng tăng trưởng khả quan nhất khu vực châu Á trong giai đoạn khó khăn vì dịch bệnh hiện tại. Đây là điều kiện quan trọng nhất để các doanh nghiệp vượt khó và phát triển sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, đây là những yếu tố nền tảng hỗ trợ thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

Trải qua những tháng đầu năm đầy biến động bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Hội đồng quản trị VNI cho rằng việc lựa chọn đầu tư vào các nhóm ngành cần phải được nghiên cứu, xem xét kỹ càng. Cụ thể các nhóm ngành, các doanh nghiệp mà VNI có thể đánh giá, xem xét cơ hội đầu tư như:

Nhóm cổ phiếu liên quan đến hoạt động đầu tư công: Năm 2020, đầu tư công được kỳ vọng cải thiện nhanh hơn đáng kể hơn so với kỳ vọng trước đó. Khi đó, một số ngành và doanh nghiệp có thể được hưởng lợi trực tiếp nhờ đầu tư công như: Thép (HPG, HSG), Xi măng (HTI), nhóm vật liệu xây dựng (KSB, CTI), Xây dựng (LCG, C4G, HBC, CTD), Thi công điện (PC1), Nhựa đường (PLC) và một số ngành được hưởng lợi gián tiếp từ hạ tầng được triển khai như Bất Động Sản (DXG, NVL, DIG, NLG) và Khu Công nghiệp như (GVR, D2D, SZL),....

Nhóm cổ phiếu liên quan đến làn sóng dịch chuyển công xưởng ra khỏi Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ hơn: Trung Quốc được coi là công xưởng của thế giới, việc chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy do dịch bệnh khiến sản xuất của các doanh nghiệp bị gián đoạn. Các nhà máy nhận ra sự cần thiết của việc đa dạng hóa (vị trí, danh mục sản phẩm), giảm phụ thuộc vào một quốc gia như Trung Quốc. Với lợi thế vị trí địa lý, chi phí nhân công giá rẻ, ưu đãi thuế phí của Chính phủ và thu hút FDI từ các hiệp định kinh tế, Việt Nam được cho rằng sẽ là điểm đến hấp dẫn trong chuỗi dịch chuyển này. Một số ngành sẽ được hưởng lợi rõ nét như xây dựng và cơ sở hạ tầng (KSB, CTI, C4G, HBC, CTD,...), bất động sản khu công nghiệp với những doanh nghiệp có quỹ đất lớn sẵn sàng đón đầu cơ hội (KBC, BCM, IDC, GVR, PHR,...).

Một số nhóm ngành và doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi từ giá nguyên vật liệu đầu vào suy giảm: Xét về mặt tích cực giá dầu suy giảm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người tiêu dùng nhờ vào các loại nguyên vật liệu suy giảm cùng chiều với giá dầu. Một số nhóm ngành doanh nghiệp có thể kể đến được hưởng lợi trực tiếp từ giá dầu như nhóm ngành Phân Bón (DPM, DCM với giá khí là một trong các nguồn nhiên liệu chính), Săm Lốp (DRC, Cao su là nhóm nguyên vật liệu đầu vào), Hóa Chất (DGC, CSV), Nhựa (NTP, BMP), Thép (Giá quặng sắt), Xi măng (Than),....

Nhóm cổ phiếu liên quan đến thoái vốn từ SCIC: Theo danh sách thoái vốn dự kiến trong năm 2020, dự kiến SCIC sẽ thoái vốn tại 85 công ty cổ phần. Một số khoản đầu tư có giá trị lớn có thể chú ý lớn như Tổng công ty thép – VNSteel (94% vốn), Vinatex (53% vốn), BMI (51% vốn), BVH (3% vốn), FPT (6% vốn), NTP (37% vốn), TRA (36% vốn) và DMC (36% vốn),....

Theo đánh giá của VNI, thị trường chứng khoán năm 2020 sẽ mang lại những cơ hội lớn, thời cơ được mua những cổ phiếu tốt và tiềm năng sẽ trở nên hiện hữu. Do đó, Tổng công ty dự định dành 169,8 tỷ đồng trong số vốn điều lệ tăng thêm để thực hiện đầu tư cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- Về nguồn vốn đầu tư:

Tình hình đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và góp vốn của VNI (tính đến 31/12/2019)

Đơn vị: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền	Giới hạn tối đa theo quy định	Thực tế đã đầu tư tại 31/12/2019	Giới hạn còn được đầu tư trong năm 2020
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VCSH				
I	Đầu tư từ vốn pháp định	350.000.000.000	157.500.000.000	122.500.000.000	35.000.000.000
1	Đầu tư TSCĐ				
2	Ký quỹ bảo hiểm				
3	Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu (35%)		122.500.000.000	122.500.000.000	0
4	Đầu tư bất động sản (10%)		35.000.000.000		35.000.000.000
II	Đầu tư từ nguồn VCSH vượt vốn pháp định	442.395.652.768	442.395.652.768	430.870.559.049	11.525.093.719
1	Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu		442.395.652.768	430.870.559.049	11.525.093.719
2	Bất động sản		0	0	0
B	ĐẦU TƯ TỪ VỐN NHÂN RỦI DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM				
I	Xác định nguồn vốn nhân rủi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm có thể đầu tư				
1	Nguồn vốn nhân rủi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo BCTC	739.275.176.856			
2	Nguồn vốn nhân rủi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm có thể đầu tư	554.456.382.642			
II	Đầu tư từ nguồn vốn nhân rủi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	554.456.382.642	249.505.372.189	194.059.733.925	55.445.638.264
1	Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp (35%)		194.059.733.925	194.059.733.925	0
2	Đầu tư bất động sản (10%)		55.445.638.264		55.445.638.264
C	NGUỒN VỐN CÒN LẠI CÓ THỂ ĐẦU TƯ				101.970.731.983
1	Nguồn vốn còn lại có thể đầu tư cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp				11.525.093.719

TT	Nội dung	Số tiền	Giới hạn tối đa theo quy định	Thực tế đã đầu tư tại 31/12/2019	Giới hạn còn được đầu tư trong năm 2020
2	Nguồn vốn còn lại có thể đầu tư bất động sản				90.445.638.264

Tính đến thời điểm 31/12/2019, giới hạn tối đa lượng vốn có thể dùng để đầu tư cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp của VNI là khoảng 11,5 tỷ đồng.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 60 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, giới hạn nguồn vốn đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của VNI tối đa không quá 35% nguồn vốn pháp định (vốn pháp định của VNI là 350 tỷ đồng). Phần chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn pháp định không bị giới hạn tỷ lệ đầu tư. Do đó, trường hợp VNI phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2020 thì số vốn tăng thêm dự kiến là 200 tỷ đồng được phép đầu tư hoàn toàn vào cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp mà không bị giới hạn tỷ lệ. Như vậy, trong tổng số vốn tăng thêm là 200 tỷ đồng, VNI dự kiến sử dụng 169,8 tỷ đồng để đầu tư cổ phiếu doanh nghiệp là hoàn toàn tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Về danh mục đầu tư:

Sau khi kết thúc quá trình tăng vốn, VNI sẽ căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường chứng khoán để đưa ra những đánh giá chi tiết nhằm lựa chọn danh mục đầu tư cổ phiếu phù hợp, đảm bảo tính an toàn vốn, hiệu quả đầu tư và tuân thủ quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Danh mục đầu tư và cân đối, phân bổ nguồn vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và hiệu quả nguồn vốn.

5. Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung:

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cam kết đưa cổ phiếu Tổng công ty vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

6. Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung liên quan đến đợt phát hành như sau:

- ❖ Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VNI, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;
- ❖ Lựa chọn thời điểm chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;

